

BÀN VỀ VẤN ĐỀ “HIẾU-NGHĨA” TRONG QUAN HỆ HÔN NHÂN GIA ĐÌNH QUA MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA HOÀNG VIỆT LUẬT LỆ

Mai Thị Diệu Thúy*

1. Mở đầu

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay đang phát triển theo hướng toàn cầu hóa, hội nhập và phát triển, dưới sự tác động của nền kinh tế thị trường, những giá trị đạo đức “hiếu”, “lễ”, “nghĩa” của xã hội tồn tại trong suốt tiến trình lịch sử của dân tộc đã có nhiều thay đổi, điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến xã hội nói chung và giá trị nhân văn của mỗi cá nhân nói riêng. Tuy nhiên, về bản chất đạo “hiếu-nghĩa” vẫn là nhân tố quan trọng tạo nên bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của người Việt, mà không một hệ thống chuẩn mực đạo đức xã hội nào có thể thay thế được. Vì thế, việc ôn cố tri tân thông qua các cổ luật để có thể hiểu rõ hơn về nguồn gốc, về bản chất của “hiếu”, “lễ”, “nghĩa” làm nền tảng cho việc bảo tồn những giá trị truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc và làm cơ sở cho việc áp dụng pháp luật hiện đại là điều cần thiết, nhất là trong điều kiện phát triển “hòa nhập nhưng không hòa tan” hiện nay.

Trong phạm vi bài viết này chúng tôi chỉ đề cập đến vấn đề “hiếu-nghĩa” được thể hiện trong các quan hệ hôn nhân gia đình quy định trong nội dung của bộ Hoàng Việt luật lệ.

Bộ Hoàng Việt luật lệ do Tổng trấn Nguyễn Văn Thành chỉ đạo biên soạn theo một quy trình chặt chẽ dưới sự kiểm soát của Hoàng đế Gia Long năm 1815, nên còn được gọi là “Luật Gia Long” với 398 điều, chia thành 22 quyển điều chỉnh chủ yếu trong sáu lĩnh vực tương ứng với phạm vi quản lý của sáu bộ: Lại, Lễ, Binh, Hình, Hộ, Công. Bộ Hoàng Việt luật lệ được sử dụng trong suốt thời kỳ nhà Nguyễn, rồi dùng tiếp ở Trung Kỳ trong thời kỳ thực dân Pháp chiếm đóng Việt Nam.

2. Bàn luận về giá trị đạo đức “hiếu-nghĩa” trong bộ Hoàng Việt luật lệ

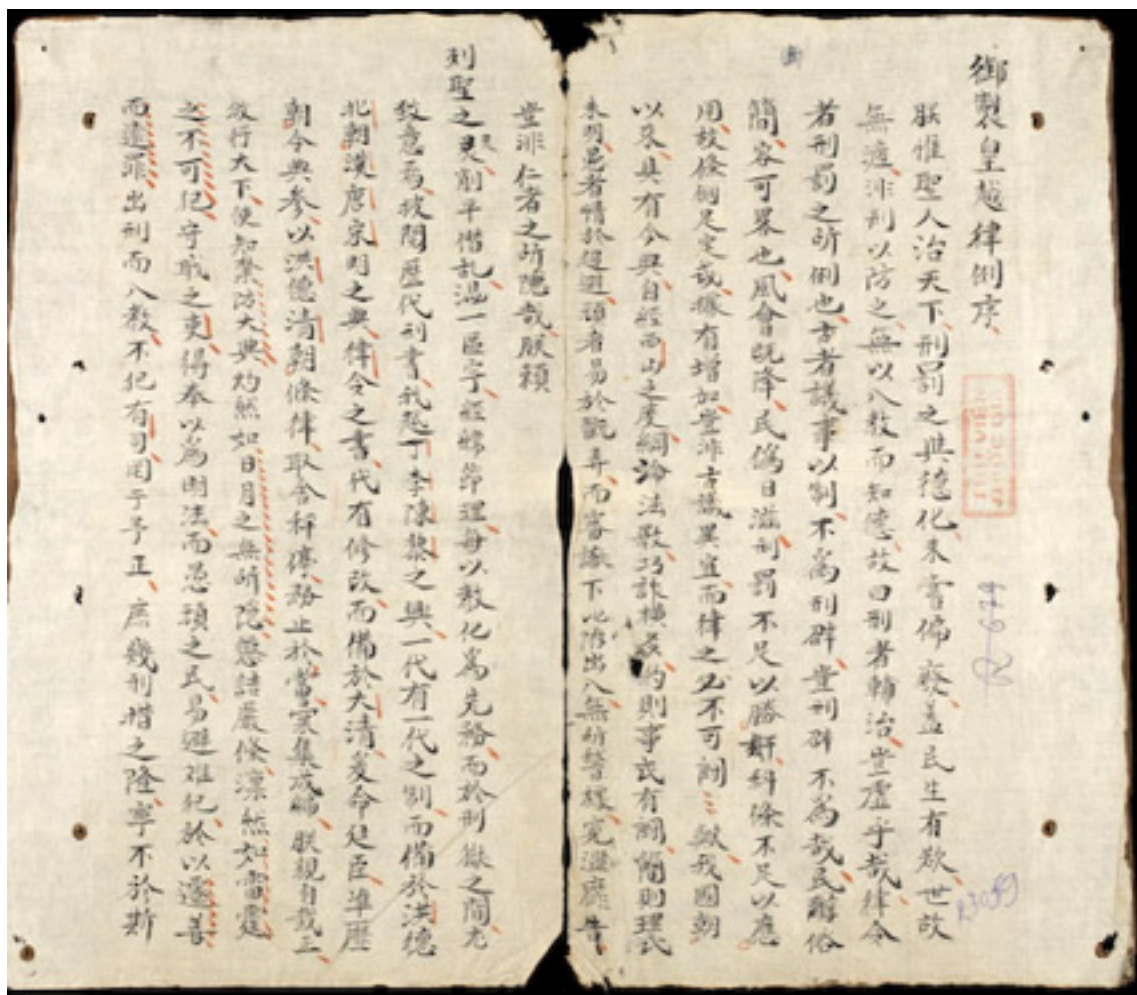
Trong xã hội phong kiến chữ “hiếu” là một giá trị xã hội được đề cao và coi đó là một chuẩn mực đạo đức cơ bản dùng để đánh giá tư cách của con người, được coi là “*nét đầu trong trăm nét*” [5:33]. Chính vì thế trong quan điểm của các triều đại phong kiến Việt Nam nói chung và triều đại nhà Nguyễn nói riêng thì chữ hiếu đặt cùng với chữ trung đối với nhà vua: “quân xử thần tử thần bất tử bất trung, phụ xử tử vong tử bất vong bất hiếu”, trong các tội thì cũng “*không tội nào lớn hơn tội bất hiếu*” (Ngũ hình chi thuộc tâm thiên, nhi tội mạc đại ư

* Khoa Luật, Đại học Huế.



Trang bìa của bộ Hoàng Việt luật lệ. Dòng trên ghi: *Gia Long thập nhị niên ban hành.*
(Nguồn: vi.wikipedia.org/wiki/)

bất hiếu) [4:33]. Tại Điều 2 Hoàng Việt luật lệ đã xác định hành vi bất hiếu là một trong Thập ác tội (10 tội ác nghiêm trọng nhất) gọi là tội ác nghịch và tội bất hiếu [1: 105]. Đạo hiếu trong cổ luật vừa là nghĩa vụ pháp lý vừa là nghĩa vụ đạo đức, hình thành nên khuôn phép ứng xử, nếu con cháu làm trái thì bị coi là bất hiếu. Theo quy định tại Điều 307 Hoàng Việt luật lệ: “*Khi ông bà, cha mẹ còn sống, con cái được quyền nhận sự nuôi dưỡng, dạy bảo của cha mẹ. Con cháu có nghĩa vụ phụng dưỡng ông bà cha mẹ, không được quyền trái giáo lệnh của ông bà cha mẹ*”. Bên cạnh đó, Điều luật 306 nghiêm cấm con cháu không được thừa kiện, tố cáo hoặc vu cáo ông bà cha mẹ trừ trường hợp mưu phản, mưu đại nghịch xâm hại đến hoàng đế và sự an nguy của xã tắc, giết cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi thì cho phép tố cáo. Tại các Điều 31, 35, 37, 274 Hoàng Việt luật lệ cũng quy định con cháu có quyền và nghĩa vụ bảo vệ ông bà, cha mẹ, có quyền che giấu các tội phạm của ông bà cha mẹ, cụ thể tại Quyển 1 *Danh luật lệ*, Điều 31 *Thân thuộc tương vi dung ẩn* (họ hàng thân thuộc che giấu tội cho nhau) viết rằng: “*Trường hợp người thân thuộc bậc đại công trở lên, mà tang phục rất trọng, ông bà ngoại, cha mẹ vợ của cháu, rể, vợ chồng của cháu, anh em của cháu, vợ của anh em mang ơn lớn, nếu phạm tội đều cho phép giấu tội cho nhau*”, hoặc trong trường hợp ông bà cha mẹ phạm tội đi đày con cháu phải theo ông bà cha mẹ đi đến và ở tại nơi lưu đày (Điều 14 Hoàng Việt luật lệ).



Hai trang nội dung Hoàng Việt luật lệ. (Nguồn: vi.wikipedia.org/wiki/).

Bên cạnh đó, bộ luật cũng chỉ rõ: “Các việc bất hiếu thì nhiều lắm. Trong chú thích chỉ nêu được những điều có ghi chép trong luật mà thôi” [1:52]. Theo đó, để đề cao lòng hiếu thảo, Điều 17, Chương II (Nghĩ chề), Quyển IX Khí thân chi nhiệm quy định: “Tuổi già có bệnh ắt đợi cháu con về phụng dưỡng để sau yên phần. Nếu con đối với cha mẹ, cháu đối với ông bà già trên 80 tuổi mà lại bị bệnh nặng, trong nhà không có ai thay mình chăm sóc, mà không chịu về hầu hạ, tham phú quý vinh hoa, lợi lộc, bỏ nhiệm vụ hầu cha mẹ, tội này khép vào tội bỏ nhiệm vụ chăm sóc cha mẹ. Hoặc có người ngược lại cha mẹ không bị bệnh tật mà nói dối rằng cha mẹ mình bệnh mong có người về phụng dưỡng. Như vậy một là bỏ rơi cha mẹ, là bất nhân, mặt khác là kẻ bất nghĩa với vua, nên phạt 80 trượng”. Hoặc trong Điều 307 đã khẳng định tính nghiêm trọng của hành vi xúc phạm đến ông bà, cha mẹ thông qua quy định: “Con cháu nếu phụng dưỡng mà cố ý làm thiếu sót xử phạt 100 trượng, lưu 3.000 dặm”, hoặc là “Con cháu phạm tội mạ lỵ, đả thương ông bà cha mẹ thì bị trừng trị nặng hơn trường hợp phạm tội bình thường, mưu giết ông bà, cha

mẹ bị xử giảo quyết, nếu giết thì bị xử bêu xác hoặc lăng trì”. Kể cả trường hợp con cháu xâm phạm đến mồ mả tổ tiên, ông bà, cha mẹ đều bị khép vào tội Thập ác.

Trong trường hợp giữa hiếu đạo và pháp luật có xung đột nhau thì trong nội dung của Hoàng Việt luật lệ hiếu đạo vẫn được coi là cái gốc để điều chỉnh hành vi của con người, thể hiện qua quy định cho phép giảm hoặc hoãn hình phạt đối với các can phạm có cha mẹ già yếu, không nơi nương tựa, can phạm lại là con thừa tự. *Đại Nam hội điển sự lệ* nêu rõ: “Nếu người nào phạm vào tội đồ, lưu mà còn ông bà (cao tổ, tăng tổ cũng thế), cha mẹ đã già, ốm cần phải hầu nuôi mà nhà không có người nào đến tuổi thành đinh (16 tuổi trở lên) thay đỡ được, thì quan có trách nhiệm phải xét hỏi rõ ràng, kê khai người ấy phạm vào tội danh gì và duyên cớ phải ở nhà hầu nuôi, thì chỉ phạt 100 trượng. Còn các tội khác đều cho nộp tiền chuộc ở lại hầu nuôi ông bà, cha mẹ” [2:57]. Thậm chí, có khi để phụng dưỡng ông bà cha mẹ, luật pháp cho phép giảm hình phạt đối với cả tội giết người: “Phàm các án mạng về đánh nhau chết, trong khi khám nghiệm, phải xét hỏi rõ tên hung phạm ấy có ông bà, cha mẹ già, ốm hay không, tên hung phạm có phải là con một hay không, báo cáo kèm luôn vào một thể. Đến kỳ xử án, cho được ở lại hầu nuôi bề thân, chỉ lấy thêm giấy cam kết nữa. Nếu khi xét hỏi, kẻ can phạm ấy không phải là hạng được ở lại hầu nuôi bề thân mà đến khi xử án, thì ông bà, cha mẹ của kẻ can phạm ấy đã thành ra già, ốm hoặc là anh em con cháu chết hết, cũng được viện lệ xin ở lại nuôi hầu bề thân” [2:76]. “Ngược lại, tội phạm phạm các tội về em trai giết anh ruột và tội giết các bậc tôn trưởng trong họ từ người phải để tang 9 tháng trở xuống, đều phải theo đúng luật mà bắt tội, nhất định không được tâu xin cho ở lại thừa tự nữa” [2:77].

Bên cạnh đó, trong quy định của bộ Hoàng Việt luật lệ việc đòi phân chia tài sản khi ra ở riêng được coi là một trong những biểu hiện của tội bất hiếu: “Phàm ông bà cha mẹ còn sống, cháu con giữ lễ thì không được có của riêng. Nếu đòi phân chia tài sản ra ở riêng thì đều là việc làm bất hiếu cả. Hay khi ông bà cha mẹ còn sống, con cháu không được vì tài sản mà tỏ ra thiếu lễ độ, cho dù ông bà cha mẹ không còn nữa thì anh em khi ở cùng nhau cũng phải thể hiện lễ độ hơn với các bậc trưởng bối.” [1:104]. Đưa ra điều luật như thế chính là cách dạy người ta chữ hiếu, nói cách khác, những quy định đó của Luật Gia Long đã thể hiện tư tưởng tôn trọng người già, thương xót người già, anh em yêu thương nhau..., thể hiện rõ được việc đề xướng đạo hiếu trong Nho giáo.

Khi ông bà, cha mẹ qua đời thì chữ “hiếu” vẫn tiếp tục ràng buộc con cháu cả về mặt luân lý lẫn mặt luật pháp. Chính vì thế, trong nội dung Điều 2 Hoàng Việt luật lệ quy định: “Con cháu có nghĩa vụ phải tôn trọng thời kỳ cư tang đối với ông bà cha mẹ. Con cháu chưa được phân chia tài sản thừa kế trong thời kỳ để tang ông bà, cha mẹ. Nghe thấy tang ông bà cha mẹ mà giấu không khóc, có tang cha mẹ mà làm giá thú, vui chơi ăn mặc như thường là can tội bất hiếu”.

Bên cạnh vấn đề đạo hiếu thì Hoàng Việt luật lệ còn chú trọng đến đạo “nghĩa”. Theo Nho giáo thì nghĩa là lẽ phải, sự hợp lý, sự đúng đắn. Khổng Tử nói: *“Quân tử sáng suốt về những việc hợp lẽ phải, trái lại kẻ tiểu nhân cái gì lợi cho mình mới làm”*. Mạnh Tử nói: *“Sự sống cũng là điều ta muốn, nghĩa cũng là điều ta muốn, hai cái đó không giữ được cả hai, thì bỏ sống mà giữ lấy nghĩa”* [5:178].

Hoàng Việt luật lệ thừa nhận chế độ đa thê, người đàn ông có quyền “*năm thê bảy thiếp*” nhưng phải giữ đúng trật tự trên dưới, đây là nghĩa vợ chồng. Điều 96 Hoàng Việt luật lệ khi giải thích về “*thê thiếp thất tự*” đã chỉ rõ: *“Vợ lớn (thê) là người ngang bằng một thể với chồng. Thiếp là phận nhỏ bên dưới, chỉ được tiếp kiến cùng chồng mà thôi. Sang hèn chia khác nhau. Đem thê làm thiếp là ép quý làm tiện, đem thiếp làm thê là nâng hèn lên sang, đều là việc trái với điều nghĩa. Cho nên phạt 100 trượng, 90 trượng. Đang còn thê mà lại cưới thê nữa thì là làm sai chính nghĩa, cho nên cũng phạt 90 trượng, vợ cưới sau phải ly dị trả về tông tộc”* [1:323].

Bên cạnh đó, để bảo vệ chữ nghĩa trong quan hệ hôn nhân, Điều 108 của Hoàng Việt luật lệ đã ghi nhận ba trường hợp người chồng không được bỏ vợ gọi là “Tam bất khứ” đó là: *“Vợ đã để tang cha mẹ chồng ba năm, khi lấy nhau nghèo về sau giàu có và khi lấy nhau có người thân thuộc, nay nếu bỏ không còn ai thân thuộc để trở về”*. Ba trường hợp này nếu người chồng cố tình bỏ thì phạt 60 trượng, cho về đoàn tụ. Ngoài ra, điều luật còn quy định dù vợ phạm phải “Thất xuất” thì cũng không nên bỏ nếu không phải đã tuyệt nghĩa (tức là vợ chồng không ăn ý, vui vẻ, tình thì không hiệp, ân đã lìa không thể hòa lại được). Hoặc tại Điều 15 Xuất thê viết rằng: *“Nếu chồng bỏ vợ đi biệt 3 năm, trong thời gian ấy không báo quan biết, rồi bỏ đi thì phạt 80 trượng, tự ý cải giá thì phạt 100 trượng”*. Như vậy, những điều luật này luôn hướng đến việc đề cao ý thức trách nhiệm của người đàn ông với người phụ nữ và gia đình của mình hơn, đó chính là ý nghĩa của nghĩa phu thê.

Ngoài ra, chữ “nghĩa” còn góp phần bảo vệ quyền lợi người phụ nữ khi chồng chết, dù Hoàng Việt luật lệ không quy định cho vợ góa hưởng thừa kế của chồng nhưng thông qua quy định “*thê già, tề dā*” tức vợ cả (thê) được cổ luật thừa nhận ngang hàng với chồng nên khi người chồng chết, người quả phụ sẽ thay quyền chồng quản lý di sản mà người chồng để lại cho các con mình. Luật quy định cụ thể như sau: *“Nếu người chồng quá cố là gia trưởng, người quả phụ được tiếp tục hành xử quyền của chồng. Người quả phụ có toàn quyền của người chồng đã mất để điều khiển gia đình”*.

Người quả phụ có đủ tất cả những quyền thuộc về thân quyền đối với các con vị thành niên và đối với cả con vợ lẽ. Người quả phụ phải sử dụng gia sản do người chồng để lại vào việc bảo dưỡng và giáo dục các con, kể cả con vợ thứ.

Đối với các con thành niên, người quả phụ có một uy quyền tinh thần do chồng để lại” [5:206].

Trên tinh thần giữ gìn chữ “nghĩa” trong quan hệ hôn nhân nên thứ tự hưởng di sản thừa kế hương hỏa và tập ấm của các con cũng phụ thuộc vào

địa vị của người mẹ. Hoàng Việt luật lệ quy định việc thừa kế phải tôn trọng nghiêm ngặt trật tự đích, thứ, trưởng, ấu. Trong thừa kế hương hỏa và thừa kế tập ấm thể hiện rõ nét quy định này. Theo lệ tập ấm của triều Nguyễn thì: *“Con trưởng, cháu trưởng về hàng đích (dòng vợ cả) được chọn trước. Nếu con, cháu trưởng về hàng đích có duyên có gì (chết, có bệnh tật, can tội thông gian, trộm cắp, v.v...), thì con, cháu thứ về hàng đích được tập ấm. Nếu không có con, cháu thứ về hàng đích mới cho con, cháu trưởng về hàng thứ được tập ấm. Nếu không theo thứ tự, mà tập ấm lán vượt, thì phải phạt roi, trượng, đồ 3 năm (vẫn bắt theo thứ tự mà tập ấm)”* [3:192].

Có thể thấy, chữ “nghĩa” dưới triều đại nhà Nguyễn không chỉ là công cụ tạo nên tôn ti trật tự trong gia đình mà còn là công cụ hữu hiệu bảo vệ địa vị của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

Trong quan điểm Nho giáo để có thể đưa đạo “hiếu-nghĩa” trở thành quy tắc trong cuộc sống hàng ngày, đi sâu vào tâm lý người Việt, giáo dục con người tự nguyện tuân theo những đức tính ấy, để duy trì nền nếp gia phong thì không cách nào hơn việc sử dụng yếu tố “lễ”. Khổng Tử nói: *“Không có lễ lấy gì mà trông, không có lễ lấy gì mà nghe, không có lễ lấy gì mà nói, không có lễ theo đâu mà làm”* hay *“Lễ là phạm trù của văn hóa, là cái có sau do bản tính của con người quy định”* [5:181]. Vì vậy lễ trước hết được hiểu là những nghi lễ, những quy phạm đạo đức quy định quan hệ giữa con người với con người theo trật tự danh vị xã hội thời phong kiến. Lễ được xem là lễ phải, là bổn phận mà mọi người phải có nghĩa vụ tuân theo. Việc hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận anh em, tín nghĩa với bạn bè..., cao hơn một bậc nữa đó là kỷ cương phép nước, là trật tự xã hội quy định hành vi của con người. Nhờ có lễ mà mỗi người có cơ sở bền vững để tiết chế nhân tình, thực hiện nhân nghĩa ở đời... Nhờ có lễ, con người có thể tự mình nuôi dưỡng tính tình thành tập quán, thói quen đạo đức truyền thống.

Vì thế, việc thờ cúng tổ tiên vừa là “lễ” vừa ăn sâu vào ý thức của người Việt Nam trở thành phong tục, tập quán lâu đời. Theo “lễ” thì người chăm thờ cúng ông bà tổ tiên, ấy là người biết nhớ về cội nguồn cha mẹ sinh thành ra mình, luôn nhớ về điều nhân nghĩa, có như vậy, con cháu mới giữ được đạo “hiếu-nghĩa” với ông bà, cha mẹ. Khổng Tử nói: *Ở chỗ mồ mả tang ma, chưa dạy dân phải thương mà tự dân đã có lòng thương, ở chỗ xã tắc tôn miếu, chưa dạy dân phải kính mà dân đã có lòng kính* [5:182].

Cũng chính trên cơ sở này, Hoàng Việt luật lệ đã quy định thừa kế hương hỏa là nghĩa vụ bắt buộc của người để lại thừa kế. Luật có những chế định ràng buộc cá nhân phải lập hương hỏa và khi lập hương hỏa thì phải tuân theo những trình tự, những nội dung cổ luật quy định (Điều 76, 82, 83, 87 Hoàng Việt luật lệ). *“Nếu ta nghiên cứu cựu luật thừa kế về các tài sản hương hỏa ta nhận thấy rằng người cha không những không có toàn quyền sử dụng các tài sản ấy mà còn bó buộc phải theo nhiều quy tắc do nhà làm luật đặt ra với mục đích bảo vệ gia đình và sự phụng sự gia tiên”* [7:201]. Vì thế, đối với cổ luật thì thừa kế hương hỏa là một trong những nội dung quan trọng biểu hiện rõ nét nhất đạo “hiếu-nghĩa” của con người.

3. Nhận thức giá trị đạo đức “hiếu-nghĩa” trong quan hệ hôn nhân gia đình thể hiện trong một số quy định của pháp luật hiện hành

Kế thừa những tư tưởng quý báu về đạo “hiếu-nghĩa”, để có thể vận dụng một cách hiệu quả vào việc điều chỉnh các quan hệ hôn nhân gia đình, trong nội dung của hệ thống pháp luật hiện hành đã xây dựng những quy định liên quan đến đạo “hiếu-nghĩa” khá phong phú được thể hiện trong nội dung của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010), Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Tại Điều 2 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình, trong đó quy định: *“Con có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ; cháu có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà”* (trích Khoản 4).

Khoản 2, Điều 4 luật này cũng quy định: *“Cấm ngược đãi, hành hạ ông, bà, cha, mẹ...”*. Vì thế, con cháu phải có bốn phạm yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ, lắng nghe những lời khuyên bảo đúng đắn của ông bà, cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình. Con cháu có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng ông bà, cha mẹ.

Khoản 2, Điều 36 Luật Hôn nhân và gia đình cũng quy định: *“Con có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, đặc biệt khi cha mẹ ốm đau, già yếu tàn tật; trong trường hợp gia đình có nhiều con thì các con phải cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ”*.

Bên cạnh đó tại Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình cũng đã quy định nghĩa vụ cấp dưỡng của con đối với cha mẹ: *“Con đã thành niên không sống chung với cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cha mẹ không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình”* và Điều 59 quy định: *“Cháu đã thành niên không sống chung với ông bà nội, ông bà ngoại có nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông bà nội, ông bà ngoại trong trường hợp ông bà không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình và không có người khác cấp dưỡng theo quy định của Luật này”*.

Theo quy định của pháp luật hiện hành, con cái bất hiếu, vi phạm nghĩa vụ làm con đối với cha mẹ, tùy tính chất, mức độ của hành vi cụ thể sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Một số hành vi bất hiếu có thể bị xử lý hành chính như: Hành hạ, ngược đãi cha mẹ; Con cái trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cha, mẹ; Xâm phạm danh dự, nhân phẩm của cha, mẹ; Cô lập, xua đuổi, gây áp lực về tâm lý đối với cha, mẹ...

Việc xử phạt được thực hiện theo Nghị định 87/2001/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính về hôn nhân và gia đình, Nghị định 110/2009/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình... Mức xử phạt đối với cá nhân vi phạm tối đa đến 30 triệu đồng.

Trong trường hợp con cái có hành vi bất hiếu đối với ông bà, cha mẹ mà đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo các tội danh như: Tội “*Hành hạ, ngược đãi ông, bà, cha, mẹ*” (Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 2009) với khung hình phạt cao nhất là 3 năm tù; tội “*Từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng*” (Điều 152 Bộ luật Hình sự năm 2009) với khung hình phạt cao nhất là 2 năm tù.

Ngoài ra, nếu hành vi vi phạm của con cháu đủ yếu tố cấu thành tội phạm khác được quy định trong Bộ luật Hình sự thì bị truy cứu trách nhiệm theo tội đó, chẳng hạn như tội “*Bức tử*” (Điều 100 Bộ luật Hình sự năm 2009) với khung hình phạt cao nhất là 7 năm tù, tội “*Cố ý gây thương tích*” (Điều 104), tội “*Giết người*” (Điều 93)... và trong những trường hợp này, tình tiết xâm hại đến ông bà, cha mẹ là tình tiết định khung tăng nặng (ví dụ giết ông bà, cha mẹ thì có thể bị truy tố theo Điểm e, Khoản 1, Điều 93 với khung hình phạt cao nhất là tử hình).

Trong mối quan hệ giữa vợ và chồng, các quy định của pháp luật hiện hành cũng đề cao chữ “*nghĩa*”, thể hiện sự thủy chung, trách nhiệm và tôn trọng lẫn nhau. Khoản 1, Điều 2 Luật Hôn nhân và gia đình xác định: “*Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng*” hoặc Khoản 2, Điều 4 quy định: “*Cấm người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác...*”. Bên cạnh đó, trong Chương III của luật tại các Điều 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24 cũng đã xác định một cách đầy đủ sự ràng buộc giữa vợ và chồng trong quan hệ hôn nhân: thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín và cả tôn giáo của nhau, để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt..., nói một cách khái quát thì đó chính là tình nghĩa vợ chồng. Vì thế, không chỉ khi hôn nhân đang tồn tại mà cả khi các bên trong quan hệ muốn chấm dứt hôn nhân thì chữ “*nghĩa*” vẫn phải được trân trọng và giữ gìn. Điều này được thể hiện ở nghĩa vụ cấp dưỡng không chỉ tồn tại trong mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái mà còn tồn tại trong quan hệ vợ chồng, Điều 60 của luật xác định “*Khi ly hôn nếu bên khó khăn, túng thiếu có yêu cầu cấp dưỡng mà có lý do chính đáng thì bên kia có nghĩa vụ cấp dưỡng theo khả năng của mình*”. Đặc biệt, trong quy định tại Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình, để bảo vệ phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, luật cấm người chồng xin ly hôn vợ. Đây cũng là biểu hiện của đạo nghĩa. Chính vì thế, những hành vi xâm phạm đến quan hệ hôn nhân, gây ảnh hưởng xấu đến lợi ích của các bên tham gia quan hệ nếu thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Chẳng hạn, Điều 147 Bộ luật Hình sự 2009 quy định về hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng, hay Điều 151 quy định về hành vi ngược đãi hoặc hành hạ đối với các thành viên trong gia đình, trong đó có vợ chồng, hoặc Điều 152 về hành vi từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng.

Chính những quy định nêu trên là cơ sở pháp lý vững chắc cho chúng ta bảo vệ những giá trị đạo đức của dân tộc và là công cụ hữu hiệu để giáo dục thế hệ trẻ sống vững vàng trong môi trường xã hội phức tạp như hiện nay.

Nói tóm lại, dù trải qua bao nhiêu thăng trầm của lịch sử, các giá trị đạo đức về “hiếu”, “lễ”, “nghĩa” vẫn có sức sống mãnh liệt trong đời sống xã hội bởi đó là những yếu tố tạo nên nhân cách sống của một con người. Việc đề cao giá trị đạo đức “hiếu-lễ-nghĩa” trong Hoàng Việt luật lệ đã thể hiện được sự kết hợp hài hòa giữa pháp trị và đức trị của triều Nguyễn. Rõ ràng, việc nghiên cứu chất lọc những tinh hoa của Nho giáo không chỉ có ý nghĩa trong lĩnh vực luật pháp mà còn trong nhiều lĩnh vực khác của xã hội, không chỉ trong quá khứ hay hiện tại mà cả cho tương lai.

M T D T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Hoàng Việt luật lệ* (1994) (Bản dịch), Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.
2. Nội Các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 11, Nxb Thuận Hóa, Huế.
3. Huỳnh Công Bá (2005), *Hôn nhân và gia đình trong pháp luật triều Nguyễn*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
4. Huỳnh Công Bá (2005), “Một số vấn đề về pháp luật triều Nguyễn”, Tập san Trường Đại học Sư phạm Huế.
5. Nguyễn Đăng Duy (1998), *Nho giáo với văn hóa Việt Nam*, Nxb Hà Nội.
6. Trương Hữu Quýnh (chủ biên), (2009), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập 1: Từ thời nguyên thủy đến năm 1858, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Nguyễn Cảnh Minh (cb) (2008), *Giáo trình lịch sử Việt Nam*, Tập 3: Từ đầu thế kỷ XVI đến năm 1858, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

TÓM TẮT

Bộ Hoàng Việt luật lệ của triều Nguyễn là bộ luật cuối cùng của chế độ quân chủ ở Việt Nam. Hoạt động nghiên cứu về bộ luật này trong tiến trình lịch sử lập pháp Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Bài viết này xem xét giá trị pháp lý của Hoàng Việt luật lệ ở một góc độ cụ thể đó là đạo “hiếu-nghĩa” trong quan hệ hôn nhân gia đình thông qua một số quy định của bộ luật, góp phần vào việc bảo tồn những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Bên cạnh đó, thông qua việc phân tích và đối chiếu với nội dung các quy định mang đậm giá trị “hiếu-nghĩa” của pháp luật hiện hành, bài viết làm rõ sự kế thừa của pháp luật Việt Nam, tạo điều kiện cho việc áp dụng pháp luật trong thực tiễn xã hội hiện nay.

ABSTRACT

DISCUSSING ABOUT “FILIAL PIETY - RIGHT CONDUCT” IN THE MARITAL RELATIONSHIP VIA SOME REGULATIONS OF THE OLD CODE OF “HOÀNG VIỆT LUẬT LỆ”

The old code of “Hoàng Việt luật lệ” of the Nguyễn Dynasty is the set of laws of the final monarchy in Vietnam. The studies of this code in the history of Vietnam law have achieved remarkable success. The paper focuses on the legal value of the code of “Hoàng Việt luật lệ” in a specific point of view, that is the “filial piety - right conduct” existing in the marital relationship via some regulations of the code. This study will contribute to preserve the traditional merit of conduct of Vietnam. Besides, via the analysis and comparison with the “filial piety - right conduct” in the regulations of the current law, the paper will clarify the inheritance of Vietnam law that contributes to the real application of law in current society.